

Xuất phát từ yêu cầu khách quan phát triển kinh tế, với đường lối mở cửa làm bạn với tất cả các nước trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi, tháng 12 năm 1987, Luật đầu tư nước ngoài được Quốc hội khóa VIII thông qua (đã qua 2 lần sửa đổi) và đã đi vào cuộc sống. Qua mười năm đổi mới, nền kinh tế VN đã trở thành một điểm hấp dẫn đầu tư vì nguồn nguyên liệu tương đối dồi dào, giá lao động rẻ, thị trường rộng lớn, chính trị ổn định...cùng với các chính sách và biện pháp thông thoáng hơn, cụ thể hơn. Do vậy, đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) đã góp phần rất quan trọng vào việc nâng cao tốc độ tăng trưởng kinh tế để tránh cho nước ta khỏi tụt hậu xa hơn so với các nước. Tình hình cấp phép đầu tư cho đến hết tháng 12.1998 (trong đó có việc sản xuất hàng hóa xuất khẩu) như sau:

Năm	1988 - 37 dự án với số vốn	71,8	triệu USD
	1989 - 68 dự án với số vốn	558,2	triệu USD
	1990 - 108 dự án với số vốn	839	triệu USD
	1991 - 151 dự án với số vốn	1.322,3	triệu USD
	1992 - 197 dự án với số vốn	2.165,3	triệu USD
	1993 - 290 dự án với số vốn	2.900	triệu USD
	1994 - 343 dự án với số vốn	3.765,6	triệu USD
	1995 - 370 dự án với số vốn	6.530,8	triệu USD
	1996 - 325 dự án với số vốn	4.973,0	triệu USD
	1997 - 479 dự án với số vốn	5.548,0	triệu USD
	1998 - 260 dự án với số vốn	4.827,6	triệu USD

Như vậy trong mười năm kể từ khi ban hành Luật đầu tư nước ngoài chúng ta đã nhận được một khối lượng vốn khá lớn của nước ngoài đầu tư vào VN. Các dự án FDI đã giải quyết cho hàng chục vạn lao động trực tiếp và hàng chục vạn lao động gián tiếp khác.

Bình quân số vốn các dự án tăng dần lên, nếu năm 1990: 5,3 triệu/1 dự án thì năm 1996 là 23,7 triệu/1 dự án:

Đầu tư trực tiếp phân theo ngành từ 1.1.1988 - 31.12.1998

Chuyên ngành	Số dự án	Tổng số vốn đầu tư USD	Vốn pháp định (USD)
1. Công nghiệp nặng	300	4.428.184.007	1.747.282.291
2. Công nghiệp dầu khí	27	1.264.622.000	1.176.075.000
3. Xây dựng khu chế xuất	9	612.383.786	1.208.388.983
4. Công nghiệp nhẹ	321	2.678.951.786	1.208.388.983
5. Công nghiệp thực phẩm	102	1.824.236.041	802.127.274
6. Nông - lâm nghiệp	167	889.903.810	418.915.890
7. Khách sạn du lịch	151	4.091.463.506	1.928.576.372
8. Dịch vụ	39	205.202.013	89.014.023
9. XD văn phòng - căn hộ	112	6.455.815.958	2.103.789.534
10. Giao thông vận tải, bưu điện	83	1.927.300.501	1.164.619.142
11. Xây dựng	151	2.231.926.466	830.338.659
12. Văn hóa - y tế - giáo dục	45	280.067.588	125.728.334
13. Thủy sản	38	115.211.070	63.587.030
14. Tài chính ngân hàng	23	188.871.900	179.601.900
Tổng số	1.568	26.997.140.353	12.040.031.730

Nguồn: Bộ kế hoạch đầu tư

Qua tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài 10 năm tại VN cho thấy nhịp độ và tốc độ tăng nhanh và đều đặn. Dự án có số vốn lớn tăng nhanh, tuy các dự án nhỏ vẫn chiếm tỷ trọng tương đối lớn. Ban đầu các dự án thường tập trung vào các ngành khai thác, dịch vụ, du lịch, kinh doanh địa ốc...thì nay tập trung vào ngành chế biến, công nghiệp nhẹ, nông lâm ngư nghiệp. Các dự án đã làm xuất hiện các khu công nghiệp mới: khu công nghiệp Biên Hòa mới, Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Bình Dương...Ở một góc độ nào đó, các dự án đã tham gia hầu hết các ngành nghề của nền kinh tế nước ta, phù hợp với quan điểm chuyển dịch cơ cấu kinh tế của đảng và nhà nước VN là "công nghiệp hóa, hiện đại hóa". Một số sản phẩm của đầu tư trực tiếp nước

ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI VIỆC XUẤT KHẨU HÀNG HÓA TẠI VIỆT NAM

PTS. VÕ VĂN ĐỨC

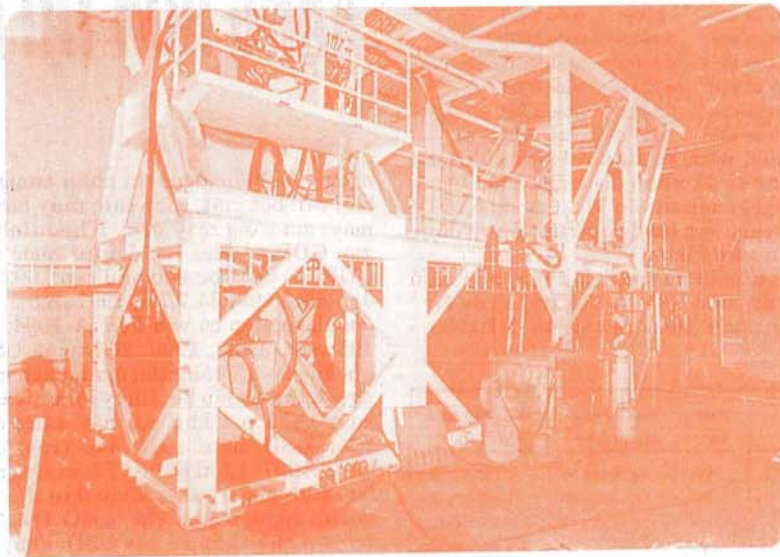
ngoài đã chiếm được thị phần trong nước từ 20 - 27% như bia, vải, bột giặt, thép cán, máy biến thế, lắp ráp ô tô, xe máy, gia công may mặc...Theo tính toán của các chuyên gia, GDP do khu vực đầu tư nước ngoài đóng góp trong GDP của cả nước nếu như vào 1992 là 2%, 1993: 3,6% thì đến năm 1996 là 7,7%, 1997: 8,6%. Thu ngân sách từ các doanh nghiệp có vốn FDI là 1994: 128 triệu USD, 1995: 195 triệu USD, 1996: 262 triệu USD, 1997: 317, chiếm khoảng 6 - 7% tổng thu ngân sách hàng năm. Nếu tính cả nguồn thu từ dầu khí thì tỷ lệ này cao hơn 20%. Kim ngạch xuất khẩu của khu vực này tăng nhanh, năm 1991: 52 triệu USD, năm 1995: 440 triệu USD, 1996: 786 triệu USD, 1997: 1,5 tỉ bằng 17% kim ngạch xuất khẩu cả nước (chưa kể giá trị xuất khẩu dầu thô và xuất khẩu của các doanh nghiệp khu chế xuất) (1). Năm 1997 các doanh nghiệp nhập khẩu 2,7 tỷ USD, nhập khẩu 2,9 tỷ USD. Tuy vậy nhập siêu vẫn đang còn cao, tất nhiên trong nhập khẩu của các doanh nghiệp có nhập khẩu thiết bị, nguyên nhiên liệu để phục vụ sản xuất. Đáng chú trọng là một số ngành sử dụng nhiều lao động như: ngành công nghiệp dệt may, giày dép chẳng hạn: Dệt: 83 dự án - với số vốn đăng ký 1,628 tỷ USD

Đầu tư nước ngoài đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao tốc độ tăng trưởng kinh tế để tránh cho chúng ta tụt hậu so với các nước khác và tạo điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Chiến lược phát triển của đảng và nhà nước ta đến năm 2020, VN sẽ trở thành một nước công nghiệp. Vì vậy trong những năm tới, chúng ta tiếp tục thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần nhằm duy trì sự tăng trưởng kinh tế ổn định. Trong kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, mức tăng trưởng kinh tế dự kiến tăng bình quân hàng năm là 9 - 10%; sản lượng nông lâm nghiệp và ngư nghiệp tăng 4,5 - 5%; công nghiệp tăng 14 - 15%; dịch vụ tăng 12 - 13% và đến năm 2000, GDP bình quân đầu người sẽ tăng ít nhất là gấp đôi năm 1990. Để duy trì mức tăng trưởng hàng năm là 9 - 10% thì tổng đầu tư xã hội của thời kỳ này (1996 - 2000) phải đạt khoảng 40 tỷ USD, trong đó dự kiến số lượng đầu tư trực tiếp ở giai đoạn này khoảng 14 - 15 tỷ USD. Để thực hiện được việc thu hút đầu tư nước ngoài vào VN có chất lượng cao, số lượng dự án nhỏ, tổng số vốn đầu tư lớn thì đòi hỏi phải có sự đánh giá thật khách quan những yếu kém còn tồn tại, cần có những biện

pháp để khắc phục và phương hướng để phát triển đầu tư trực tiếp tại VN. Trước hết, cần phải thừa nhận một thực tế là các nhà đầu tư đều muốn thu hồi được vốn nhanh và có lợi nhuận, nên tập trung đầu tư vào một số ngành, một số địa phương nào đáp ứng được yêu cầu đó mà thôi. Các địa phương có số dự án lớn là: TP.HCM có 649 dự án với tổng số vốn đăng ký là 9.685 triệu USD với tổng số vốn thực hiện 2.717 triệu USD. Các dự án thực hiện đã mang lại 2.767 triệu USD doanh thu và tạo việc làm cho 73.727 người. Thủ đô Hà Nội có 329 dự án được cấp giấy phép với tổng số vốn đăng ký là 7.389 triệu USD với 1.988 triệu USD vốn đầu tư thực hiện. Các dự án này đã mang lại doanh thu 1.831 triệu USD và tạo việc làm cho 18.414 người lao động. Tỉnh Đồng Nai có 231 dự án với tổng số vốn đăng ký là 4.256 triệu USD và có 1.247 triệu USD vốn thực hiện, mang lại 1.193 triệu USD doanh thu và tạo việc làm cho 52.397 người. Thành phố Hải Phòng có 81 dự án được cấp giấy phép đầu tư với tổng số vốn đăng ký là 1.516 triệu USD với 663 triệu USD vốn được thực hiện. Các dự án đã mang lại 229 triệu USD doanh thu và tạo việc làm cho 7.780 người... Như vậy, thường các dự án và vốn đầu tư tập trung vào các thành phố lớn như: TP.HCM, Thủ đô Hà Nội, Đà Nẵng, Biên Hòa, Bình Dương, Hải Phòng, còn rất nhiều địa phương như Hà Giang, Kontum, Lai Châu mới có từ 1 - 2 dự án (đầu năm 1997).

Các lĩnh vực chế biến nông sản thực phẩm là thế mạnh của VN thì rất ít dự án và vốn đầu tư thường nhỏ. Tất nhiên vấn đề này phụ thuộc vào chủ đầu tư, tuy vậy nếu có chính sách tốt (thuế, tài chính, kết cấu hạ tầng...) thì có thể khắc phục được mặt hạn chế này. Có thể nói Luật đầu tư nước ngoài (sửa đổi) được thông qua tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa IX (1996) là một mốc mới vào việc cải thiện môi trường pháp lý, các chính sách và biện pháp đồng bộ để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Ví dụ: Các dự án đáp ứng một số tiêu chuẩn khuyến khích đầu tư thì được miễn thuế lợi tức trong 4 năm đầu và giảm một nửa thuế lợi tức trong 4 năm tiếp theo. Các dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư được miễn thuế lợi tức trong 8 năm đầu. Một thực tế, VN mong muốn các sản phẩm của các nhà đầu tư nước ngoài được tiêu thụ phần lớn ở thị trường quốc tế, thì bức tranh thị trường tiêu thụ hoàn toàn ngược lại, trừ dầu thô là sản phẩm xuất khẩu 100%, còn lại phần lớn sản phẩm được làm ra tiêu thụ ở thị trường trong nước 78%, chỉ có khoảng 22% được xuất khẩu. Ở đây cần phải kiểm tra và có định hướng cụ thể khi thẩm định và xét duyệt dự án đầu tư, đặc biệt là việc tiêu thụ sản phẩm của các dự án có vốn đầu tư nước ngoài. Một nguyên nhân chưa khuyến khích đầu tư nước ngoài vào VN là tỷ lệ góp vốn của phía VN quá thấp khoảng 29 - 30%, một số ngành tỷ lệ này còn thấp hơn: nông nghiệp 13%, dụng cụ y tế 9,6%, sản xuất



thiết bị vận tải 10,5%, da 6,6%, dệt 5%, may 5,7%, giấy 5,8%...mà phía VN chỉ góp vốn bằng tiền thuê đất, nhà xưởng, và chỉ góp một lần nên nhiều liên doanh khi bị thua lỗ thì phía đối tác lại bị lỗ thấp hơn rất nhiều so với VN. Do góp vốn thấp, nên các cán bộ của ta tham gia vào liên doanh thường bị "lép vế", chưa kể một số cán bộ thiếu hiểu biết về kiến thức quản lý hiện đại, ngoại ngữ, biến chất làm cho phía VN lại càng thua thiệt hơn phía nước ngoài góp vốn chủ yếu bằng máy móc, trang thiết bị, công nghệ, bí quyết...nhưng cũng không ít những trang thiết bị cũ được tân trang, hoặc lạc hậu hàng mấy thế hệ, một số thiết bị không sử dụng được, số khác lại gây ô nhiễm môi trường. Theo thống kê năm 1994 qua khảo sát sơ bộ 300 dự án đầu tư nước ngoài bằng thiết bị công nghệ, thì tổng số thiệt hại của phía VN lên tới 50 triệu USD. Thông thường phía đối tác nước ngoài nâng giá thiết bị cao hơn giá thị trường thế giới từ 13 - 20%, cộng thêm 5% hoa hồng. Chẳng hạn có thiết bị cũ đáng giá 50.000 USD, bị

phía nước ngoài nâng thành 300.000 USD. Năm 1995 qua thẩm định 727 thiết bị, máy móc do 42 công ty liên doanh mua có tới 70% là công nghệ cũ từ thập kỷ 50 và đầu thế kỷ khiến số thiệt hại lên tới 50 triệu USD (2). Như vậy riêng 2 năm 1994 - 1995, chỉ phần công nghệ, do trình độ thẩm định kém, phía VN đã chịu thiệt hại tới 100 triệu USD là lỗi ở cán bộ ta một phần mà do nhiều nguyên nhân như trình độ thấp, hoặc lợi

ích cá nhân và cục bộ...Do vậy phía đối tác mới "qua mặt" được. Một số dự án đầu tư nước ngoài khi thực hiện sản xuất kinh doanh dịch vụ thường hay vi phạm pháp luật như nâng giá vật tư, trốn lậu thuế, hạch toán không rõ ràng...Luật đầu tư nước ngoài sửa đổi và Nghị định 12/CP của Chính phủ đã có những bước khá tiến bộ, nhiều cải tiến, đặc biệt là chuyển đổi cơ chế từ "xin" và "cho" sang cơ chế các chủ đầu tư thực hiện theo các quy định của nhà nước đã ban hành. Tuy nhiên theo đánh giá của nhiều chuyên gia trong nước và quốc tế, một số các quan chức cao cấp thì chúng ta cần phải tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư theo chiều hướng tốt hơn nữa thì mới có khả năng thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài cao hơn. Bởi vì vẫn còn quá nhiều thủ tục hành chính, cản nhiều thời gian để "xin" thẩm định cấp phép, cấp đất đai, cấp phép xây dựng...Một thực trạng kinh tế khá đau lòng hiện nay là các liên doanh làm ăn thua lỗ thì phía VN lại chịu lỗ nhiều hơn, giành "phần thiệt thòi" về mình. Thực tế của những cuộc "li hôn" sớm, những đổ bể trong các liên doanh đã được các phương tiện thông tin đại chúng công bố cho chúng ta nhận biết được một vài nguyên nhân do ai? Phía nào chịu trách nhiệm. Một số tồn tại nữa trong các liên doanh với nước ngoài, các xí nghiệp có vốn 100% của người nước ngoài, đó là tiền lương, thời gian tập sự, chế độ tuyển chọn, hợp đồng lao động, bảo hiểm... là những vấn đề cần phải xem

xét kỹ lưỡng và cân nhắc.

Đối với chúng ta, khi bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thì không thể không hình thành một ngành công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu. VN tuy đất không rộng nhưng tài nguyên tương đối phong phú, nhiều sản phẩm nông lâm ngư nghiệp, nhiều tài nguyên khoáng sản, nhưng lại thiếu vốn. Mà chúng ta đang cần vốn để mở rộng, phát triển sản xuất và tiêu dùng. Không thể có con đường nào khác là phải phát triển liên doanh, liên kết, thu hút vốn để hiện đại hóa công nghệ để sản xuất những mặt hàng có chất lượng, đủ sức mạnh cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Lý luận và thực tiễn đã chứng minh việc đầu tư vốn vào các cơ sở công nghiệp, thiết bị, công nghệ, bất động sản của các nhà đầu tư ra nước khác đã có tác động nhất định đối với quan hệ thương mại quốc tế. Vốn đầu tư nước ngoài có thể ảnh hưởng tích cực (tiêu cực) đến tình hình xuất nhập khẩu của nước nhận đầu tư. Thường họ sử dụng nguyên nhiên liệu, nhân công rẻ và thị trường tại nước sở tại.

Do vậy vấn đề cơ bản là chính sách của các nước đang phát triển (trong đó có VN) là phải tiếp thu và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài như thế nào để mang lại hiệu quả kinh tế (trong đó có xuất khẩu) cao. Đây là bài toán khó nhưng không phải là không có lời giải.

Từ những ưu điểm và tồn tại đã nêu ở trên, ta nhận thấy đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào VN đã, đang và sẽ

đóng một vai trò quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế của VN, tuy vậy vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Như thông báo của Hội nghị TW 6 lần 1 đã chỉ rõ là: "Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, tìm mọi giải pháp để mở rộng tiêu thụ sản phẩm cả trong nước và ngoài nước". Thời gian chúng ta nhận đầu tư mới có 10 năm chưa đủ dài để có thể phát huy ngay được những lợi thế khắc phục những tồn tại, yếu kém để thu hút được nhiều vốn nước ngoài hơn nữa. Để đầu tư nước ngoài đúng hướng và có hiệu quả, đặc biệt là thu hút vốn nước ngoài để sản xuất hàng xuất khẩu, theo chúng tôi, thì cần phải khắc phục những điểm sau:

- Tiếp tục triển khai Luật đầu tư nước ngoài (được sửa đổi) và Nghị định 12/CP của Chính phủ về cải tiến thủ tục hành chính, quy trình xét duyệt, thẩm định đầu tư, cấp đất và cấp phép xây dựng. Cần phải có một quy hoạch tổng thể kinh tế của các vùng kinh tế, các ngành và lĩnh vực cụ thể cần đầu tư và khuyến khích đầu tư, có phân biệt giữa các nhà đầu tư lớn, vốn lớn, nhiều kinh nghiệm, có thị phần cao với các nhà đầu tư vốn ít, khuyến khích đầu tư vào những ngành quan trọng của nước ta như nông - lâm - ngư nghiệp, khai khoáng, kết cấu hạ tầng... sớm điều tiết những ngành và lĩnh vực mà trong nước có đủ điều kiện không cần phải có sự đầu tư nước ngoài.

- Cần có chính sách khuyến khích hợp lý đối với các liên doanh hoặc doanh nghiệp có vốn 100% của nước ngoài sản xuất và xuất khẩu (tùy theo % xuất khẩu). Đối với các doanh nghiệp không thực hiện kế hoạch xuất khẩu (đã quy định trong giấy phép đầu tư) thì phải có biện pháp hữu hiệu (như đánh thuế cao vào mặt hàng bán trong nước...). Bởi vì thực tế hoạt động của các doanh nghiệp trong thời gian qua cho ta thấy một số doanh nghiệp bán phá giá sản phẩm, chi phí quảng cáo, tiếp thị và quản lý vượt quá xa mức quy định nhằm mục tiêu chiếm lĩnh thị phần (chủ yếu thị trường tại VN), triệt hạ đối thủ cạnh tranh bằng nhiều biện pháp không lành mạnh.

- Cần phải xây dựng đội ngũ cán bộ hành chính và kinh doanh có đủ phẩm chất và năng lực, khắc phục tình trạng yếu kém, thiếu lương tâm, trách nhiệm và tham nhũng. Cần đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, có kiến thức kinh doanh, pháp luật, hành chính trong lĩnh vực hợp tác đầu tư với nước ngoài.

- Sớm ban hành luật chống độc quyền, các văn bản dưới luật thương mại, để tạo khung pháp lý và môi trường đầu tư thông thoáng. Hoàn thiện công tác quản lý và phân cấp quản lý, tránh tình trạng vừa can thiệp sâu vào các doanh nghiệp có vốn nước ngoài, lại buông lỏng quản lý hành chính trong việc thực hiện các nghĩa vụ theo luật pháp của ta.

- Nên có chính sách hợp lý để phát triển kết cấu hạ tầng cơ sở nhất là giao

thông, nước, điện và có biện pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường sinh thái...

Những năm gần đây, đặc biệt từ tháng 7.1997 đến nay, tình hình thế giới có nhiều biến động phức tạp, đặc biệt là khủng hoảng tài chính của các nước Đông Nam châu Á và Đông Á và cũng như nhiều nước trên thế giới đã có ảnh hưởng không nhỏ đến đầu tư và phát triển kinh tế. Tuy vậy nhìn về tương lai nếu chúng ta biết được và vận dụng những lợi thế thì sẽ thu hút được nhiều vốn đầu tư và sử dụng chúng để đạt được hiệu quả kinh tế cao phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Trong đó có việc hướng về xuất khẩu những mặt hàng chất lượng tốt, giá rẻ đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế với nhãn hiệu "Made in VN" ■

(1) Báo Nhân dân 11.8.1998

(2) Nguyễn Nhâm, "Kinh tế tư bản chủ nghĩa có làm chúng ta trệch hướng?". Tài chính số 6.1996, tr.3.

